



TCHYA

THẦY CỬ

TIỂU THUYẾT THỨ BẢY

THẦY CỬ

CCAN
ĐẠI ĐỨC TUẤN

TIỂU THUYẾT THỨ BẢY
xuất bản 1935

thầy Cử

(truyện ngắn)

TchyA

Bìa: M.C.P

Nguồn: Internet

Trình bày: Muôn Phương

Muôn phương góp lại, trả về muôn phương

thầy Cử

TCHYA
ĐÁI ĐỨC TUẤN

THI, VĂN SĨ
TCHYA ĐÁI ĐỨC TUẤN
(1908 – 1969)

CHYA, TÊN THẬT ĐÁI
ĐỨC TUẤN, BÚT DANH
KHÁC LÀ MAI NGUYỆT.

Ông sinh năm 1908, quê ở làng
Ngọc Giáp, huyện Quảng Xương, tỉnh
Thanh Hóa.

Xuất thân trong một gia đình quan
lại, sau khi tốt nghiệp tú tài toàn phần,
ông làm tham tá ở Nha học chánh
Đông Dương từ năm 1930.

Bắt đầu viết báo, viết văn từ 1935 cho các tờ Đông Tây, Nhật Tân, Tiểu thuyết thứ bảy.

Năm 1940, ông xin nghỉ việc và sang cư ngụ tại Côn Minh, Trung Quốc.

Đến năm 1945, ông trở lại Việt Nam tiếp tục làm báo.

Năm 1946, Đái Đức Tuấn tham gia Việt Nam Quốc Dân Đảng.

Năm 1950, ông dạy học ở trường Quốc học Huế.

Ông giữ chức Chánh văn phòng¹ với cấp bậc Đại úy đồng hóa, dưới quyền Đại tá Bùi văn Hai là Tổng Giám đốc Nha Cựu chiến binh – Việt Nam Cộng Hòa, và giải ngũ năm 1956.

¹ theo Gió bụi quan trường _ Đào Văn Hội.

Từ “đồng hóa” dùng để chỉ những công chức có xuất thân là dân sự nay chuyển sang ngành quân sự.

Vào những năm 1956, ông cộng tác với các tờ báo ở Sài Gòn, viết những tiểu luận với đề mục Nói hay Đừng.

Ông mất ngày 8 tháng 8 năm 1969 tại Sài Gòn.

Tác phẩm:

Lãng Mạn (1935): Truyện ngắn

Rửa Hận (1935): Truyện ngắn

Thầy Cử (1935): Truyện ngắn

Linh Hồn Hay Xác thịt (1936): Tập truyện

Thần hồ (1937): Truyện kinh dị

Kho vàng Sầm Sơn (1940): Tiểu thuyết ái tình

Ai hát giữa rừng khuya (1942):
Truyện kinh dị

Đầy vơi (1943): Tập thơ

Đồng tiền vạn lịch (1953): Tiểu
thuyết ái tình

Tình Sơn Nữ (1956): Truyện dài



Thi, văn sĩ
Tchya A Đái Đức Tuấn
(1908 – 1969)

X NGÀY HÔM ẤY, THẦY CỬ
SINH chán nản việc đời.
Mài thoi mực đen, cắn đầu bút thỏ, thầy
viết. ầy viết cổ thi, kim phú, ngón tài
hoa bay nhảy lối Lan đình. Viết xong,
thầy đọc, đọc rồi thầy xé, xé rồi thầy
đốt.

Thú làm thơ khôn tiêu tán nỗi lòng
tức bực, thầy Cử xách nón đi chơi;
không khí chiều thu êm dịu, thầy ngắm
cảnh trời xanh trắng bạc, dường như
nhè nhẹ cơn sâu. Bóng cây chiều thẳng
giữa đường, trông tựa mấy giọt mực
đen, rải rắc trên tờ giấy trắng.

Say cảnh tiêu điều, tịch mịch, thấy Sinh nghĩ ngợi bâng khuâng; bụi tre cản lẫn mầu chiếc áo lương thâm, khiến hình ảnh thấy trộn lộn với hình ảnh chung của Tạo vật. Bồi hồi, thất vọng, thấy Cử nhớ lại cuộc đời dĩ vãng, một nỗi buồn vô hạn tự nhiên chan chứa trong lòng.

Khoa Mão hồi trước, cũng như mọi nhà hàn sĩ, thấy Sinh lều tráp đi thi. May nhờ phúc ấm tổ tiên, thấy được dự tên chót bảng. Không đến nỗi thẹn với hai mươi năm đèn sách, thấy Sinh lấy thế làm mừng. Trên bước vu quy, thấy những mong chen lọt vào lầu hoa, gác thắm, thanh vân nhẹ bước công hầu. Có ngờ đâu thời thế lại đảo điên, mà mệnh đồ nhiều nỗi khó! Nghĩ đến cảnh Lý Quảng nan phong, Phùng Đường dị lão, thấy đâm ra chán hẳn

cuộc đời. Thôi thì: “Quân tử an bản”, thầy cũng chả thèm bôn tẩu, nhất tâm nằm dật xó nhà, ngâm thơ uống rượu; dẫu bị cảnh bản hàn thanh bạch, thầy không màng kiếm miếng đỉnh chung!

Vì thế, quan huyện Thanh Hồ, nghe nói thầy người chí khí, thân hành đến đón tận nhà. Vỡng lọng linh đình, thầy Cử về nhà dạy học; có nhẽ số phong lưu nhàn hạ, ngày nay đã theo thời vận, cứu thầy khỏi bước nghèo nàn. Một quãng thời khắc cón con, thầy Sinh đã ngẫm nhiên ra mặt con nhà mô phạm! Rồi thơ chắt túi, rượu lưng bầu, mặc sức nhà nho lỗ vận rung đùi mà ta thán nhân tình thế thái, hoặc ngâm ngùi cảm khái, ngâm nga những khúc tiêu tao!

Trông bóng trăng thu, đã nhiều phen, thầy Cử lên giọng đắng cay chua chát, nghe ai oán như tiếng trùng than dưới cỏ, lâm ly như hạt móc đập cành tiêu, khiến tàn canh sực tỉnh giấc cô miên, bà lớn huyện những xúc cảm, sứt sùi bên gối phượng...

Bà lớn, từ xưa, vẫn có tiếng là người hay chữ; không những làm ăn khéo léo, đi đứng nhu mì, đến nghề thi phú văn chương, bà lớn thực là tài nữ. Yêu thú làm thơ, bà lớn thường đặt ra những khúc nào nùng, tiêu sái, lẳng lơ như hoa lả gió, buồn bã như cảnh thu tàn, sành xem văn đến như cụ Bảng Châu Giang, cũng phải phục bà lớn là một thi nhân lẳng mạn.

Thầy Cử, từ ngày về huyện, trà sớm, đèn khuya, chăm nom hai thằng

cháu bé. Hai cháu học mỗi ngày một khá, quan lớn rất đổi vui lòng, bà lớn cũng thường đẹp dạ. Vì thế, cơm tám, rượu sen, chả thơm, canh ngọt, ông thầy thông thả thời cơm; yêu con nên trọng đến thầy, bà lớn là người khéo xử. Vui cảnh xuân tàn, quan lớn thì câu thơ chén rượu; khách thâm nho may lại gặp tay đồng chí, tài nào không ý hiệp, tâm đầu! Trong hoàn cảnh tương kính, tương thân, thầy Cử không đến nổi thẹn với những kẻ, tình thế giống thầy, mà chịu cúi luồn theo khuôn phép những nhà quyền quý. Kể ra, thầy cũng thực là sung sướng: được chỗ an nhàn ngồi giảng sách, còn gì hơn trong lúc khốn cùng này?

Tuy nhiên, gặp những buổi gió vàng gieo lá rụng, không tài nào thầy tránh khỏi mỗi bi thu. Đối cảnh thu

sơ, thấy trông cúc nở, sen tàn, bất giác thương thân mình chịu mai mòn theo tuế nguyệt. Giọt móc rụng nhíp nhàng trên khóm trúc, lại khiến thấy đau đớn phận tha hương. Sẵn mỗi hoài cảm chứa chan, thấy không đủ sức đè nén nổi con tâm thổn thức. Gióng bóng trước ngọn đèn le lói, thấy buồn rầu ngâm nga những khúc ‘Ly tao’. Giọng thấy nảo nuột, du dương, lúc canh khuya phẳng lặng êm đềm, thường réo rất vang suốt trong ngoài huyện lỵ. Dư âm man mác như bay lượn nhẹ nhàng trong bóng tối, như giục lòng ai ngây ngất suốt đêm trường...

Trên gối phượng, đôi phen, bà lớn giật mình tỉnh giấc. Cảm cảnh trăng tà gió lạnh, bà lớn xót phận mình, ngao ngán, những hờn duyên. Lại vắng nghe giọng ai oán, thiết tha, hồn thi sĩ nào

tránh khỏi lúc băng khuâng, tê tái?
Dưới chăn loan, bà lớn bất giác ngậm
ngùi tuôn lệ ngọc; mà nằm co ro trong
thư viện, thầy Cử vẫn ngheo ngoạc vẳng
ra những khúc não nùng...

an ôi! Cái nghiệp văn chương! Nó
thường bắt người phải cảm hoài, ảo
nã, tủi cảnh mình nghĩ thương ai
chung hội, mà bề bàng trông bóng suốt
năm canh....!

* * *

Thì ông cố để lấy một thằng con
nữa chứ!

Bà lớn huyện vốn là con gái yêu
cụ Tuần Hà thuở trước, lấy chồng vừa
được chín mươi năm. Trong mười năm

trời, cảnh gia đình bà lớn tuy có nhiều phen bức tức, song ngấm lại hai thằng con nhỏ dại, bà lớn cũng hả lòng vàng. Thoạt bước chân về nhà chồng, tình ân ái nồng nàn, khiến bà lớn vội vã đẻ dòn hai cháu bé: thằng Cả, thằng Hai, một thằng lên chín, một thằng lên tám. Chỉ giận nổi Hóa công, sau những lúc say vui thường đem lại nỗi buồn dằng dặc của một tương lai lạnh lẽo, nên bà lớn huyên, từ ngày hai em bé nhớn lên đi học, bỗng càng ngày càng yếu càng buồn; mà sự đâu rõ khéo bề bàng: bà lớn tựa hồ quên, không để nữa!

Tuy nói là bà lớn yếu: đó chỉ là một cách nói cho trại ý mà thôi; thực ra, bà lớn chỉ thường hay sổ mũi, nhức đầu, đau gân, mỏi cốt. Ngoài sự đó, bà lớn vẫn tốt tươi, óng ả: nhan sắc khuynh thành, kiều diễm, độ với thời gian vẫn

không chịu kém màu xuân. Con người mặn mà, bà lớn càng ngày càng đẹp, trong khi chần bông, nệm gấm, quan lớn một tuổi một già.

Quan lớn huyện đồ Cử nhân từ độ ngoài ba mươi tuổi; về làm rể cụ Tuần Hà, bấy giờ ngài đã bốn mươi. Ngài đến nhậm huyện Thanh Hồ, đến nay đã hai năm có lẻ. Dân yên, lúa tốt, trong xóm, ngoài làng, ai ai cũng đều công nhận quan lớn là người phúc đức. Mà không những chỉ có thế; về phương diện thanh liêm, cương trực, danh thơm ngài còn lừng lẫy khắp nơi nơi.

Duy có một nỗi đáng phiền: là mới năm chục tuổi đầu, mà râu tóc quan đã lâm râm điểm bạc, chả bì với bà lớn nhà còn trẻ non trẻ nõn, đỉnh đầu chưa đội hết hăm chín cái xuân thu. Hai mươi

chín cái xuân thu! Bà lớn còn ôm chặt một mối lo mong, nửa bầu nhiệt huyết; con Tào hóa rõ khéo trêu người quá tẻ, có làm sao mới được có hai mụn con còn bé dại, mà khiến chốn loan phòng đã lạnh lẽo, hững hờ duyên!

Không phải rằng quan lớn không chiều, không quý; không phải rằng quan lớn không mến, không yêu; chỉ tại cái yêu ngài là cái yêu sông, mà cuộc đời chứa ngoại ba mươi chưa có thể là cuộc đời sông được! Năm mươi tuổi, nào tuổi ấy già đâu! ế sao quan đã đầu trắng, mắt mờ, con Tào sao mà tẻ thế? Chỉ những đau lưng, mỏi gối, quan lớn chưa đến tuần ăn thượng thọ đã suy tàn! Vui cảnh xuân già, quan chỉ câu thơ chén rượu; lúc hội tổ tôm cùng thầy Lại, lúc cuộc cờ nhật với ông Đồ, ngày tháng thanh nhàn, quan chỉ dùng

để sống trong những thú sông thậm là sông; có lúc cảm hứng muốn vui, thì lại thết bữa tiệc nhỏ ở mai viên, cùng thầy Cử hùng biện, cao đàm, hăm hồ bàn đến chuyện thánh hiền kim cổ...

Cảnh chồng già, chị em ôi! Rõ là một cảnh éo le! Dầu có hưởng êm ả những thú đẽm ấp, chăn lộng, tính tình lãnh đạm của đức lang quân, lắm phen, càng xui giục bể lòng dào dạt, càng làm cho tấm thân ngà ngọc bồi hồi mơ ước nỗi yêu đương! Một người có tình cảm chứa chan, có thân thể chất đầy sinh khí, nhất là người ấy lại là đàn bà, một người đàn bà còn trẻ nõi, thì càng sống trong bầu không khí an nhàn lặng lẽ, càng hưởng mùi đỉnh chung êm ái phong lưu, người ấy càng khó lòng tránh khỏi những thời khắc mà tâm hồn mê mõi, mà các tia gân,

các luồng máu, các thớ thịt trong người rung động, bồi hồi gọi thú ái tình. Cho nên bà lớn huyện anh Hồ, một đóa hoa quý xuân còn cười với gió chiều chót nhả, một vùng trăng mười tám còn đủ ánh sáng đục vùng mây ám tạt qua, bà lớn thường thấy mình như khao khát ái ân, như bị một mãnh lực gì bí hiểm của con tâm ngày đêm làm bại hoại cả tấm thân tròn đẹp.

Muốn khuây mỗi xuân tình phơi phới, bà lớn chỉ còn cách làm văn, đọc sách đỡ buồn. iếu sách sang mượn thầy Đồ, bà lớn đã nhiều phen sai hai đứa con thơ chạy đến thư viện bắt thầy Cử lục hết ngăn trên, tủ dưới.

Thầy cho mượn pho ‘Tình sử’!

Thầy cho mượn bộ ‘Chiến quốc’ có phê bình.

“Thầy cho mượn quyển nợ, quyển kia...” đến nỗi sau cùng, phát giận, thầy Cử Sinh phải nói dối không có pho truyện nào mới nữa. Có sách mà không cho mượn, nào phải đâu thầy xấu bụng, hẹp hòi; chỉ tại thầy tránh chuyện vô duyên, không muốn dẫn thân làm một sự khó coi, nhơ nhục. Có ai ngờ bà lớn lại đa tình đến thế: không quyển sách nào trả không kèm theo một bức thơ, mây gió lãng nhãng, khiến thầy Cử đọc thư xong những khắc khoải bồn chồn, nghĩ đến thân phận, chức vụ mình, ruột rối như tơ vò lại.

Càng nghĩ, thầy càng khó xử, chả biết đến sau này, tấm thân thầy có được ở yên không? Biết bao cuộc thất bại trong đời, mãi ngày nay thầy mới được một chỗ thanh thoi, nhàn hạ, nào ai biết

vận xấu cổ theo riết mãi con người lận đận, làm cho thầy mới tạm an đã thấy khó khăn rồi! Ô hay! Ông Trời độc địa làm sao! Ai xui khiến cặp mắt tinh anh sắc sảo của giai nhân lại cứ chiếu thẳng vào một anh đồ xơ xác! Khó xử.

Đối với quan ông, một ngày cũng là nghĩa, đối với hai cháu bé, một khắc cũng là tình, thầy nữ nào không nghĩ đến hai chữ ‘thủy chung’, mà nữ bỏ mấy đứa trẻ kia, để mang tiếng tệt bạc với bố chúng nó là người, đối với mình, đã có chút ơn tri ngộ? Nhưng mà, nếu thực quả thầy bị sao ‘Hong Loan’ trực chiếu sáng cung

Thiên di và sao ‘Đào hoa’ sáng cung mệnh, nếu cùng bà lớn thầy không may có chút nghiệt duyên tiền kiếp thì, không đang tâm dứt áo ra đi, cũng còn

mặt mũi nào ngồi dạy học ở huyện nha mãi được?

Nghĩ đi mãi rồi nghĩ lại, thầy Cử Sinh càng đâm ra tức bực, chán chường. Ngán ngấm sự đời, thầy bài hoải biếng ăn biếng ngủ, rượu ngon nhấp chẳng thấy mùi gì thú; mà làm thơ cũng không cảm hứng chút nào! ấy chỉ lo, lo lại sợ, sợ nhờ cầm lòng khôn được, thì có phen bị ai kia lôi cuốn vào gấm tội lỗi, rồi suốt đời, hận bên lòng đeo mãi biết bao nguôi!

Cắn đầu bút lông, thầy những muốn viết thư từ giã, từ quan, từ huyện, từ cả hai đứa học trò ngoan ngoãn thơ ngây, để mặc bà lớn cùng cuộc đời gió lả mây vờn, cùng những ý tưởng trắng hoa không chính đính... cắn bút, nhưng nào thầy Cử đã tìm ra chữ; thầy

phải suy đi tính lại, hạ một câu có khi ngẫm nghĩ đến hàng giờ. Mãi sau cùng, thầy cũng thảo xong thư vĩnh biệt; đọc lại thư, thầy cảm thấy một nỗi buồn vô hạn đè ngang cuống họng nghẹn ngào. Những chứng cứ thầy viện để từ giã bạn, chẳng qua chỉ toàn điều giả dối mà thôi; song le, sự thế bắt buộc thầy phải thế, xưa nay thầy có từng là người gian trá bao giờ?

Sửa soạn hành lý xong xuôi, thầy Cử Sinh đem thư ra kiểm duyệt một lần chót nữa. ấy lời lẽ vẫn chưa được gọn, thầy kiên tâm ngồi sao một bức thứ hai. Bức thứ hai cũng chẳng vừa lòng, thầy lại nán ở ít ngày, định gọt rửa lời lẽ thế nào cho quan huyện không thể trách được thầy bội bạc. Nhưng, viết làm sao vẫn thấy còn hớ hênh, đại đột, thầy Sinh hết nằm lại ngồi, hết đi lại

đứng, vò tai bứt tóc, lưỡng lự bâng khuâng. Viết rồi, thầy vò xé đi; xé xong, còn sợ có người thóc mách, nên đem ra châm lửa đốt. Cứ những sao đi chép lại, chung quy mất ngót một tháng trời. ầy Cử bứt rứt nôn nao, tự buông một câu hỏi trong tâm thần rối loạn: “Về hay ở? Nên ở hay nên về?”

Vấn đề giải quyết mãi không xong, thầy đâm ra chán nản. Không khí gian phòng học, vì có đó, cũng thành ra khó thở, nặng nề. ầy Cử cảm thấy lục phủ ngũ tạng nóng bừng lên, cần phải ra sân đổi gió. ầy đi ra dạo mát ngoài vườn. Tìm một chỗ tối vắng, thầy ngồi phịch xuống cỏ, thả tâm hồn lâng lâng bay theo ngọn gió, nhất định bỏ mặc sau lưng những nỗi ưu tư khổ cực của mọi ngày...

Bóng thầy chìm lẫn trong bóng cây, bởi chỗ thầy ngồi kề ngay bên một khóm tre dày, ánh sáng giăng lờ mờ khôn phân biệt rõ hình ảnh thầy với hình ảnh chung của Tạo hóa.

Thầy ngồi thần thờ như thế, chẳng biết được mấy giờ, mấy phút; lòng thầy tự nhiên thư thái, thầy lim dim đôi mắt, thiu thiu dường muốn ngủ gà. Bỗng đâu, những tiếng sột soạt tỉ tê làm lay động quăng đem trường hui quạnh. ấy Cử mở bừng mắt dậy: một bức tranh hoạt động giúp thầy khỏi bị nghĩ đến nát gan nát ruột, mới tìm ra câu trả lời cương quyết cho vấn đề khó xử “ở hay về...”

* * *

– Mình! Mình ơi! Chàng có đoán được em yêu chàng đến thế nào không hở? Mình có hiểu, vì mình, em đã hy sinh cả phẩm giá lẫn danh dự của em rồi?

Tiếng người đàn bà vừa nói đượm một vẻ nũng nịu say sưa; người đàn ông nghe xong không trả lời, chỉ vít cổ bạn tình xuống để đặt lên môi ai một cái hôn chắc hẳn là đậm đà ngây ngất, vì nó lâu đến hai ba phút mới xong. Dưới ánh trăng mờ, hai bóng người thấp thoáng khi ẩn khi hiện, trông xa xa không phân biệt được là ai. Đêm lúc ấy đã gần khuya, những chòm lá cây cùng mấy bụi tre già, găng rậm, từ buổi tàn hoàng hôn, đã đổi màu xanh thẫm ra màu xám ngất; không gian nhuốm một vẻ ảm đạm tiêu sơ, biểu hiện của những quăng đêm thu quạnh quẽ.

Thầy Cử ngồi ở góc vườn, cách cặp tình nhân đến non ba chục thước, không nhìn rõ hết mọi cử chỉ của họ, chỉ nhờ sức tưởng tượng mà đoán rằng họ đương cùng nhau đọc một bài kinh ân ái rất nồng nàn. Những cái hôn cứ năm bảy phút lại trao đi đổi lại, diễn tấn trò đăm đuối của ái tình. Rồi ngoài mấy bận má kề môi giáp, cặp uyên ương bá vai nhau khăng khít như đương cùng thất mỗi đồng tâm; họ chỉ thả nhau ra để lặng yên ngấm vuốt mặt nhau; xong lại kéo nhau ngồi bệt xuống cỏ xanh, vỗ về âu yếm và ri rỉ tự tình, nói những câu nhỏ quá, nhỏ quá, khách ngoài cuộc chẳng ai nghe rõ cả.

Thoạt mới ngấm nhìn, thầy Cử cho là cậu lính dắt một cô sen ra chốn vườn khuya giở những chuyện trong dâu trên bậc; thầy cũng không thềm chú ý lắm.

Nhưng, nếu thực quả đôi nhân ngãi kia là kẻ hạ lưu bẩn tiện, thì có sao họ hành vi phong lưu nhàn nhã thế này? Chú lính cô sen nào đâu đã biết trò bá vai, quàng cổ, vuốt má hôn môi? Họ làm gì thừa thãi thì giờ để ngồi chuyện vãn dài dòng như vậy? Giá chú lệ được vài giờ thông thả, hẹn hò chị vú ra vườn, lẽ tất nhiên chúng lo ngại nhìn ngang trông ngửa, thì thảo dăm ba câu thân mật, rồi mau chóng thi hành những dục vọng dâm ô. Có đâu hào hoa lịch sự như đôi lứa thiếu niên này, chỉ thấy những thái độ đắm đuối say mê, mà không có chút tư cách nào phàm phu thô bỉ?

Thế thì chắc không phải hàng người ở trong vòng nô bộc, ắt hẳn là duyên có chi đây! Quái! Quan huyện chả có cháu giai cháu gái nào lớn tuổi, cũng chả có họ hàng thân thích theo ngài, có sao

xảy ra chuyện lạ lùng này nhỉ?

Con ma tò mò thường rung động tâm người thóc mách; thầy Cử ngắm đôi trai gái, bỗng thấy trong lòng sôi nổi những ý nghĩ muốn đi rình. ấy bèn rón rén bò đến mé hai chiếc bóng. Nhưng, vốn xưa nay thầy không sành nghề đi lảng trộm, nên không đủ tài nghệ làm cho xuôi công việc táo bạo của thầy. Bị một sợi rễ cây thò lên mặt đất vướng đế giày, thầy vô ý trượt chân, ngã sòng soài trên bãi cỏ, kêu lên một tiếng.

Liên lúc ấy, mặt trăng đương bị mây vẩn, cũng tự nhiên thành tỏ rạng; cặp uyên ương nghe tiếng hét, hốt hoảng vùng cẳng bỏ chạy; người đàn ông can đảm đi lại mé thầy Cử xem kẻ nào hỗn xược dám phá tan giấc mộng ân ái của mình; còn chị đàn bà thì kinh khủng

chạy tuột thẳng vào trong tư thất.

Lồm cồm trở dậy, thầy Sinh chỉ còn được thoáng thấy trước khi biến hẳn vào bóng tối, một tà áo lụa màu sữa, phất phơ bay theo chiều gió heo may. Thầy, hốt nhiên, cảm thấy tâm can tê tái ngậm ngùi, cứ đứng ngẩn người ra như pho tượng. Giữa lúc ấy, một bóng đen sừng sững hiện ra trước mặt thầy, rồi một giọng nói đột ngột làm cho thầy nhận được người đối diện với mình đang ngạc nhiên lo ngại đến cực điểm.

– Ô! Thầy Cử!

– Kìa, ông Thừa, ông làm gì ở đây mà khuya khoắt thế?

* * *

Nhân chi sơ, tính bản thiện, ya,
ya...

Nhân chi sơ, tính bản thiện, ya,
ya...

Hai đứa bé tinh sương đã dậy, ng-
hêu ngao ngồi học trong thư phòng.
Trên tấm phản gụ giữa nhà, chăn màn
chưa dọn, trên mặt án thư, từng pho
sách chồng chất lên nhau, ngọn ngang
bên cạnh ngọn đèn huê kỳ không ai tắt,
bên cạnh điều thuốc lão, ấm tích nước,
và bộ khay chén Giang Tây hoen vẫn
dầu trà còn sót.

Thầy đồ, chả biết dậy từ bao giờ, mà
bỏ vắng nhà học; những ngày thường,
giờ này thầy đương rửa mặt, vắt khăn.
eo lệ mọi hôm, một thằng hề đồng đun
nước sôi lên để thầy điểm tâm dăm

chén trà ướp hoa, trước khi đốt hương
ngồi giảng sách.

- Ô hay! Thầy đi đâu lâu nhỉ?
- Có lẽ thầy ra vườn.
- Không mà, em vừa ra, không thấy
thầy.
- Hay là thầy ra ao sen?
- Em cũng không thấy!

Một khắc, hai khắc, nửa giờ, hai
đứa bé cứ nghe ngao, chờ thầy về cho
kỳ được.

Nhân chi sơ, tính bản thiện, nhân
chi sơ, tính bản thiện...

- Quái! Thầy không về thực, mà
ạ! Chẳng biết thầy đi đâu?

– Kìa, anh xem thử cái gì trên kia, có phải một lá thư thầy để lại đó không? Chúng ta cầm lên cho ba đọc.

– Phải rồi, phải rồi! Một bức thư! Ta đem trình ba xem ba bảo thế nào...

Quan lớn huyện buổi mai đương ngồi vuốt râu hăm ăm chè Ninh Thái, bình tĩnh ngâm mấy vần thơ của Đỗ Thiếu Lăng. Hai cậu ấm ton ton chạy đến.

– Ba ạ. ấy đồ đi đâu mất rồi, chả thấy về. Chỉ để lại trên án có bức thư này thôi, chúng con cầm lên ba đọc!

Quan huyện vuốt xuôi bộ râu lác đác, thưởng nốt chén trà sen, rồi mới thông thả xé bức hoa tiên, đeo mực kính vào, ngồi xem chăm chú lắm.

Thư rằng:

“Kính bẩm quan lớn,

Nổi nênh chân bèo khách địa, lỗi
sinh nên phải bước giang hồ; ngậm ngùi
gốc tử cố hương, vụng hóa khôn đền ơn
tri ngộ.

Lão đệ nay:

Nhớ gốc tử phần, chạnh niềm cố thổ.

Những tưởng một ngày là nghĩa,
dạy hai em cho trọn đạo thủy chung; ai
ngờ nửa khắc chia tình, mới bấy tháng
đã đến kỳ thượng lộ.

Kết bạn để mong tương ích, ý quan
huynh cũng trọng đệ có văn tài; thụ ơn
vẫn tính gắng công, lòng lão đệ đối với
quan hăng ái mộ.

Kẻ sĩ gặp người tri thức, niềm gắn bó sao không? Phận hèn nên kẻ gia sư, số tôn vinh hẳn có.

Rắp tâm rèn luyện, cho trẻ em nên bậc tài danh, Xót nỗi cù lao, để quan lớn ngán duyên thế cố!

Nghĩ như đệ:

Học chỉ biết chi hô giả giả, đã hợm mình hạ bút quý thần kinh; trí không màng Nam Bắc Đông Tây, vẫn múa mép ra tay thành quách đổ.

Ở đây:

Nhất mực phong lưu, đủ nghề thi thố.

Rượu Gia Bì lúc tỉnh khi say; chè Liên ái sớm phong chiều mở.

Của ngon vật lạ, quan bà gửi đến
xiết bao; áo vóc giấy da, quan ông ban
ra vô số.

No lòng, ăm cật, nghĩ thân thực đã
vẻ vang, Nay đến, mai đi, cảm cảnh lại
càng tủi hổ.

Chỉ bởi vì:

Dâu ngả bóng, cảm tình phụ mẫu,
tuyệt một vùng xót kẻ bơ vơ; mai chia
cảnh, chạnh nghĩa phu thê, nguyệt ngàn
dặm thương ai vò võ;

Láng giềng ít kẻ tới nhà; thân thích
chẳng ai nhìn họ.

Vừa nhận được lá thư tiện nội, báo
rằng nhà đương gặp buổi nguy nan; nên
kíp đi chẳng biết quan huynh, sợ nổi trẻ
khó qua cơn khốn khó.

*Khi đến dù che vông đở, ớn quan
khắc tận thâm tâm; Lúc đi áo xách giấy
ôm, tội đệ đáng nên chém cổ.*

*Hỡi ôi! Giã trò, giã bạn, từ đây
buông vãn gió lạnh, cỏ cây sùi sứt sương
tuôn;*

*Thương thay! Cấm cảnh cấm tình,
rồi nữa dậm liễu trắng mờ, thân thể
ngậm ngùi lệ rỏ!*

*Buổi trò chuyện ngàn năm vẫn nhớ,
cung cầm tiếng trống, buồn nghĩ càng
buồn; tiệc vui vầy bao thuở cho quên,
chén rượu câu thơ, nhớ thôi lại nhớ!*

*Li đệ chất bằng sông núi, biết đến
khi nào gột rửa, xin hiếu sinh mở rộng
lượng thứ tha; lượng quan ví tựa bể trời,
rồi đây có buổi trùng phùng, thể chí tử
cũng cam lòng báo bổ.*

Chúc quan lớn quan bà trăm năm giai ngẫu, đệ trước sau chẳng đổi lòng khuyển mã, khẩn thâm thần thánh chở che; mong em Cả em Hai mau chóng thành tài, thầy xa xôi không đến nỗi thẹn thùng, cầu nguyện Phật Trời phù hộ.

Mấy chút chưa đền đức cả, thân mà tàn nát, bên mình quan hồn sẽ khấu đầu; muôn vàn vẫn đội ơn sâu, tình khó phai pha, trước quy án đệ xin đốn thủ.

Lão đệ: Nguyễn Văn Sinh bái

Ngày mười chín tháng tám năm Kỷ Dậu”.

Quan lớn huyện xem xong, cau mày chép miệng thở dài, không hiểu tại sao thầy đồ có cử chỉ lạ lùng đến thế! Thực là người chẳng biết điều hay dở, để cho

quan nghĩ những giận mà buồn! Bỏ huyện nha, bỏ thư viện, bỏ hai đứa trẻ còn thơ, thầy đồ gàn rồi xoay trở nghề gì, cho gia quyến được no thân lành áo? Có phải chẳng đó chỉ là hành tung vô nghĩa lý của một anh đồ nho cuồng chữ muốn ngông nghênh? Sao không thân lên nắm rõ việc quan nghe, rồi vay ít chục quan tiền gửi bà vợ mang về quê cho ổn thỏa? Lạ, lạ thực!

Thầy đồ là người bội bạc, phản trắc; đến thì vống điều đem đón, đi lại không chính đính giã từ! Mà đi, thì biết đi đâu, những lễ viện trong thơ này xem chẳng phải những lời thành thực! À mà quên! Lão ta còn đâu có mẹ, vợ cũng không có nữa mà cứ sao lại nói về quê vì thương xót mẹ già, vợ dại? Lão đồ này có lẽ hóa điên rồi!

Thầy Cử ngày nay đi mất, một đi, đi chẳng trở về! Bèo nổi mây trôi, rồi thầy sẽ phiêu bạt tấm thân yếu ớt, điều linh mảnh hồn trụy lạc, biết ngày nào mới tìm được chỗ ấm no? Quan huyện chợt nghĩ tới đây, bất giác ngậm ngùi thương hại kẻ cùng nho, bỏ mực kính xuống lau hai khóe mắt...

Cho hay cái nghiệp văn chương! Nó thường bắt kẻ yêu văn phải hoàn toàn vong kỷ, giữ tiết giá chẳng làm điều nhục nhã, vì tha nhân mà âm thầm chịu khổ, để bề bàng trông bóng suốt năm canh...

